

Số: 03 /KL-TTr

Đắk Tô, ngày 08 tháng 6 năm 2020

## **KẾT LUẬN**

### **Thanh tra công tác thu, chi tài chính và công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại Trường THCS Nguyễn Du trong các năm 2017, 2018 và 2019**

Thực hiện Quyết định số 03/QĐ-TTr, ngày 12/5/2020 của Chánh Thanh tra huyện Đắk Tô về việc thanh tra công tác thu, chi tài chính Trường THCS Nguyễn Du trong các năm 2017, 2018 và 2019. Từ ngày 15/5/2020 đến ngày 28/5/2020, Đoàn Thanh tra đã tiến hành làm việc tại Trường THCS Nguyễn Du.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 29/5/2020 của Đoàn Thanh tra, ý kiến giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra.

Chánh Thanh tra huyện Đắk Tô kết luận như sau:

#### **I. KHÁI QUÁT CHUNG:**

Trường THCS Nguyễn Du tiền thân là Trường THCS xã Diên Bình. Năm 2008 trường được đổi tên thành Trường THCS Nguyễn Du. Trường THCS Nguyễn Du đóng chân trên địa bàn xã Diên bình là xã thuộc vùng II của huyện Đắk Tô, với trên 1630 hộ gia đình và trên 7225 nhân khẩu.

Từ năm 2010 đến nay trường tiếp tục phấn đấu xây dựng đội ngũ nhà trường đạt chuẩn, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao chất lượng giáo dục để giữ vững danh hiệu trường đạt chuẩn Quốc gia.

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường: Đảm bảo đầy đủ để đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ dạy và học. Từ năm 2010 đến nay đơn vị đã tiết kiệm nguồn kinh phí chi thường xuyên, xã hội hóa giáo dục để cải tạo và sửa chữa một số hạng mục mới như sửa chữa hệ thống điện, quạt, các phòng học, cải tạo nhà vệ sinh cho học sinh, sân trường, mua sắm thêm 1 số thiết bị phục vụ cho công tác dạy học (Máy tính, máy chiếu, đồ dùng dạy học...). Về đội ngũ cán bộ giáo viên: Năm học 2019 – 2020 toàn trường có 555 học sinh, biên chế 16 lớp; CB - GV - NV: 37 người: Trong đó: BGH: 2 người; Giáo viên trực tiếp giảng dạy: 32 Giáo viên; Nhân viên: 03 người: 01 đồng chí kế toán; 01 đồng chí văn thư và 01 nhân viên thư viện (Ngoài ra nhà trường còn hợp đồng 01 nhân viên bảo vệ trường học để bảo vệ cơ sở vật chất nhà trường trong những ngày nghỉ cuối tuần, ngày lễ...).

#### **II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH**

##### **1. Nguồn ngân sách do nhà nước cấp phụ vụ thường xuyên tại đơn vị :**

**a) Năm 2017**

- \* Kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước cấp: 3.793.126.000 đồng
- + Nguồn 13: 3.677.256.000 đồng
- + Nguồn 14: 115.870.000 đồng
- \* Kinh phí chi không thường xuyên ngân sách nhà nước cấp: 8.000.000 đồng
- + Nguồn 12: 8.000.000 đồng
- \* Việc phân khai và sử dụng nguồn kinh phí năm 2017
- Nguồn 13: Tổng số kinh phí đã sử dụng: 3.677.256.000 đồng, trong đó:
  - + Chi thanh toán lương và các khoản theo lương: 3.354.701.259 đồng
  - + Chi mua hàng hóa dịch vụ và các khoản chi khác: 258.848.741 đồng
  - + Chi mua sắm, tu bổ, sửa chữa nhỏ: 63.706.000 đồng
- Nguồn 14: Tổng số kinh phí đã sử dụng: 115.870.000 đồng
  - + Chi thanh toán lương và các khoản theo lương: 115.870.000 đồng
- Nguồn 12: Tổng số kinh phí đã sử dụng: 8.000.000 đồng, trong đó:
  - + Chi mua hàng hóa dịch vụ và các khoản chi khác: 8.000.000 đồng

**b) Năm 2018**

- \* Kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước cấp: 4.175.179.000 đồng
- + Nguồn 13: 3.816.509.000 đồng
- + Nguồn 14: 358.670.000 đồng
- \* Kinh phí chi không thường xuyên ngân sách nhà nước cấp: 5.000.000 đồng
- + Nguồn 12: 5.000.000 đồng
- \* Việc phân khai và sử dụng nguồn kinh phí năm 2018
- Nguồn 13: Tổng số kinh phí đã sử dụng: 3.816.509.000 đồng, trong đó:
  - + Chi thanh toán lương và các khoản theo lương: 3.389.765.554 đồng
  - + Chi mua hàng hóa dịch vụ và các khoản chi khác: 387.433.446 đồng
  - + Chi mua sắm, tu bổ, sửa chữa nhỏ: 39.310.000 đồng
- Nguồn 14: Tổng số kinh phí đã sử dụng: 358.670.000 đồng
  - + Chi thanh toán lương và các khoản theo lương: 358.670.000 đồng
- Nguồn 12: Tổng số kinh phí đã sử dụng: 5.000.000 đồng, trong đó:
  - + Chi mua hàng hóa dịch vụ và các khoản chi khác: 5.000.000 đồng

**c) Năm 2019**

- \* Kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước cấp: 4.417.490.000 đồng
- + Nguồn 13: 3.779.900.000 đồng
- + Nguồn 14: 637.590.000 đồng
- \* Việc phân khai và sử dụng nguồn kinh phí năm 2019
- Nguồn 13: Tổng số kinh phí đã sử dụng: 3.779.900.000 đồng, trong đó:
  - + Chi thanh toán lương và các khoản theo lương: 3.446.300.004 đồng
  - + Chi mua hàng hóa dịch vụ và các khoản chi khác: 286.999.996 đồng

- + Chi mua sắm, tu bổ, sửa chữa nhỏ: 46.600.000 đồng
- Nguồn 14: Tổng số kinh phí đã sử dụng: 637.590.000 đồng, trong đó:
- + Chi thanh toán lương và các khoản theo lương: 637.590.000 đồng

Hồ sơ chứng từ kế toán cập nhập đầy đủ, sắp xếp gọn gàng đã thể hiện được các nghiệp vụ tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động tại đơn vị, đơn vị mở cơ bản đầy đủ hệ thống sổ sách chứng từ kế toán theo quy định. Chi lương và các khoản phụ cấp, hỗ trợ trong các ngày lễ, tết cho giáo viên, hợp đồng lao động kịp thời, đầy đủ. Tuy nhiên, một số tồn tại, hạn chế, cụ thể:

- Năm 2017:

+ Giấy rút dự toán số 01 ngày 19/01/2017 chuyển tiền trang phục thể dục năm học 2016-2017 số tiền 2400.000 đồng, không có hóa đơn, quy chế chi tiêu nội bộ không xây dựng khoán.

+ Giấy rút dự toán số 64 ngày 17/10/2017 số tiền 12.185.000 đồng, hợp đồng không có quy cách sản phẩm kích thước, không có biên bản kiểm tra hiện trạng.

+ Giấy rút dự toán số 81 ngày 25/12/2017 chuyển tiền sửa chữa phòng học, nhà công vụ số tiền 12.000.000 đồng, hợp đồng không có quy cách, chất lượng, kích thước, biên bản kiểm tra hiện trạng còn ko rõ ràng còn chung chung.

+ Giấy rút dự toán số 84 ngày 25/12/2017 chuyển tiền mua VPP đầu năm học số tiền 12.565.000 đồng, không có danh sách cấp phát cho giáo viên.

- Năm 2018:

+ Đơn vị xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, xác định cự ly đến các xã, huyện chưa phù hợp với công văn 1960/SGTVT-QLKCHT, ngày 16/11/2015 của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Kn Tum về việc xác định cự lý vận chuyển đến trung tâm các huyện, xã thuộc tỉnh.

+ Giấy rút dự toán số 112 ngày 24/12/2018 chuyển tiền công sửa chữa đường điện 6.300.000 không áp dụng theo định mức nhà nước quy định mà áp dụng cách tính theo m<sup>2</sup> nền.

## **2. Nguồn kinh phí do nhà nước cấp theo chương trình, dự án :**

**a) Chế độ bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và các trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn:**

\* **Năm 2017:** Nguồn 17

Tổng số kinh phí đã nhận: 1.013.425.000 đồng, trong đó:

+ Số kinh phí ứng trước chưa quyết toán: 308.300.000 đồng.

Tổng số kinh phí đã thực hiện chi: 1.013.425.000 đồng, trong đó:

+ Từ tháng 9-12/2016: Tiền ăn: 242.000.000 đồng, tiền nhà ở: 60.500.000 đồng

+ Từ tháng 01-5/2017: Tiền ăn: 302.500.000 đồng, tiền nhà ở: 75.625.000 đồng.

+ Từ tháng 9-12/2017: Tiền ăn: 266.240.000 đồng, tiền nhà ở: 66.560.000 đồng.

**\* Năm 2018:**

Tổng số kinh phí đã nhận: 771.840.000 đồng.

Tổng số kinh phí đã thực hiện chi: 771.840.000 đồng, trong đó:

+ Từ tháng 01-5/2018: Tiền ăn: 332.800.000 đồng, tiền nhà ở: 83.200.000 đồng

+ Từ tháng 9-12/2018: Tiền ăn: 284.672.000 đồng, tiền nhà ở: 71.168.000 đồng

**\* Năm 2019:**

- Nguồn 12: Tổng số kinh phí đã nhận: 651.530.000 đồng.

- Nguồn 15: Tổng số kinh phí đã nhận: 177.690.000 đồng.

- Tổng số kinh phí đã thực hiện chi: 829.220.000 đồng, trong đó:

+ Từ tháng 01-5/2019: Tiền ăn: 355.840.000 đồng, tiền nhà ở: 88.960.000 đồng

+ Từ tháng 9-12/2019: Tiền ăn: 307.536.000 đồng, tiền nhà ở: 76.884.000 đồng

Hồ sơ, chứng từ liên quan cơ bản đảm bảo theo quy định pháp luật. Qua xác minh thực tế phụ huynh học sinh xác nhận nhà trường cấp phát đầy đủ, kịp thời và đúng đối tượng.

**b) Chế độ cấp phát gạo cho học sinh:**

Năm học 2016-2017: Đã nhận và cấp 16.875 kg gạo

Năm học 2017-2018: Đã nhận và cấp 17.280 kg gạo

Năm học 2018-2019: Đã nhận và cấp 17.280 kg gạo

Năm học 2018-2019: Từ tháng 9-12/2019 và tháng 01/2020: Đã nhận và cấp 9.675 kg

Hồ sơ, chứng từ liên quan cơ bản đảm bảo theo quy định pháp luật. Qua xác minh thực tế phụ huynh học sinh xác nhận nhà trường cấp phát đầy đủ, kịp thời và đúng đối tượng.

**c) Chế độ học sinh hộ nghèo:**

**\* Năm 2017:** Nhận kinh phí chi trả cho học sinh từ PGD&ĐT cụ thể như sau:

+ Từ tháng 01-5/2017: Tổng số 51 em, tổng số tiền: 25.500.000 đồng.

+ Từ tháng 9-12/2017: Tổng số 54 em, tổng số tiền: 21.600.000 đồng.

**\* Năm 2018:**

Tổng số kinh phí đã nhận: 25.400.000 đồng, trong đó:

+ Nguồn 12: 15.000.000 đồng

+ Nguồn 15: 10.400.000 đồng

Tổng số kinh phí đã thực hiện chi: 25.400.000 đồng, trong đó:

+ Từ tháng 01-5/2018: Tổng số 30 em, tổng số tiền: 15.000.000 đồng

+ Từ tháng 9-12/2018: Tổng số 26 em, tổng số tiền: 10.400.000 đồng

**\* Năm 2019:**

Tổng số kinh phí đã nhận nguồn 12: 29.700.000 đồng.

Tổng số kinh phí đã thực hiện chi: 29.700.000 đồng, trong đó:

+ Từ tháng 01-5/2019: Tổng số 33 em, tổng số tiền: 16.500.000 đồng.

+ Từ tháng 9-12/2019: Tổng số 33 em, tổng số tiền: 13.200.000 đồng.

Hồ sơ, chứng từ liên quan cơ bản đảm bảo theo quy định pháp luật. Xác minh thực tế phụ huynh học sinh xác nhận nhà trường cấp phát đầy đủ, kịp thời và đúng đối tượng.

**3. Nguồn thu từ cha mẹ học sinh :**

**a) Nguồn Xã hội hóa:**

- Năm học 2016-2017: 50.120.000 đồng.

+ Chi làm sân bê tông sân trường: 47.430.000 đồng.

+ Chi hút hầm cầu nhà vệ sinh, mua men xử lý nhà vệ sinh: 2.690.000 đồng.

- Năm học 2017-2018: 56.758.000 đồng.

+ Chi làm sân bê tông sân trường: 35.000.000 đồng.

+ Chi làm nhà vòm khu nhà vệ sinh: 21.758.000 đồng.

Hồ sơ, chứng từ liên quan cơ bản đảm bảo theo quy định, việc huy động dựa trên tinh thần tự nguyện, không ép buộc, qua trình thực hiện đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch và được sự thống nhất cao từ PHHS. Tuy nhiên, hồ sơ chưa thể hiện chiều dày sân bê tông, chưa thể hiện quy cách, chất liệu sản phẩm (các loại vật liệu như sắt, thép, tôn). Kiểm tra thực tế, đơn vị thực hiện cơ bản đầy đủ theo hồ sơ dự toán và dự trù kinh phí.

**b) Quỹ tự Hội Phụ huynh học sinh:**

**- Năm học 2016-2017:**

+ Tổng số thu kinh phí tự nguyện đóng góp: 25.168.000 đồng

+ Tổng số kinh phí chi cho các hoạt động của học sinh: 25.168.000 đồng

**- Năm học 2017-2018:**

+ Tổng số thu kinh phí tự nguyện đóng góp: 32.775.000 đồng

+ Tổng số kinh phí chi cho các hoạt động của học sinh: 22.941.400 đồng

+ Trích 30 % để lại các lớp chi: 9.832.500 đồng

+ Còn tồn: 1.100 đồng

**- Năm học 2018-2019:**

+ Số năm trước chuyển sang: 1.100 đồng

+ Tổng số thu kinh phí tự nguyện đóng góp: 49.225.000 đồng

+ Tổng số kinh phí chi cho các hoạt động của học sinh: 36.908.000 đồng

+ Trích 25 % để lại các lớp chi: 12.315.000 đồng

- + Còn tồn: 3.100 đồng
- **Năm học 2019-2020:**
- + Số năm trước chuyển sang: 3.100 đồng
- + Tổng số thu kinh phí tự nguyện đóng góp: 49.080.000 đồng
- + Tổng số kinh phí chi cho các hoạt động của học sinh: 17.070.000 đồng
- + Trích 25 % để lại các lớp chi: 12.269.000 đồng
- + Còn tồn: 19.744.100 đồng

Hồ sơ, chứng từ liên quan cơ bản đảm bảo theo quy định của pháp luật, các khoản chi chủ yếu chi khen thưởng cho học sinh có thành tích tốt trong học tập, chi thăm ốm cho học sinh, chi hỗ trợ cho học sinh tham gia các cuộc thi, trương trình do lớp, trường tổ chức. Tuy nhiên, chứng từ quyết toán khoản kinh phí thực hiện của các lớp không có (*kinh phí được trích lại từ tổng kinh phí thu được*). Qua kiểm tra thực tế và giải trình tại đơn vị, thì nguồn trích lại cho các lớp hoạt động có thực hiện và được sự thống nhất của ban đại diện cha mẹ, PHHS các lớp.

### **c) Nguồn thu học phí:**

#### **- Năm 2017:**

- + Kinh phí năm 2016 chuyển sang : 34.550.079 đồng
- + Kinh phí thu năm 2017: 36.099.000 đồng
- + Kinh phí đã sử dụng năm 2017: 35.612.700 đồng
- + Kinh phí còn lại chuyển sang năm sau: 35.036.379 đồng

#### **- Năm 2018:**

- + Kinh phí năm 2017 chuyển sang : 35.036.379 đồng
- + Kinh phí thu năm 2018: 42.777.600 đồng
- + Thu từ kinh phí cấp bù học phí năm 2018: 17.984.000 đồng
- + Kinh phí đã sử dụng năm 2018: 76.303.000 đồng
- + Kinh phí còn lại chuyển sang năm sau: 19.494.979 đồng

#### **- Năm 2019:**

- + Kinh phí năm 2018 chuyển sang: 19.494.979 đồng
- + Kinh phí thu năm 2018: 49.700.200 đồng
- + Thu từ kinh phí cấp bù học phí năm 2019: 19.912.000 đồng
- + Kinh phí đã sử dụng năm 2019: 89.107.179 đồng
- + Kinh phí còn lại chuyển sang năm sau: 0 đồng

Hồ sơ chứng từ liên quan được thực hiện cơ bản đảm bảo theo quy định pháp luật, mức thu học phí được thực hiện theo mức quy định của UBND tỉnh Kon Tum.

### **4. Tài sản, công cụ dụng cụ cơ sở vật chất năm 2017,2018,2019:**

Số tài sản cố định, công cụ, dụng cụ tại đơn vị đầy đủ, được quản lý cơ bản chặt chẽ phát huy được hiệu quả sử dụng và được đưa vào sổ theo dõi tài sản, công cụ, dụng cụ theo quy định.

### **III. KẾT LUẬN:**

## **1. Ưu điểm:**

- Đối với nguồn ngân sách chi thường xuyên: Hồ sơ chứng từ kế toán cập nhập đầy đủ, sắp xếp gọn gàng ngăn nắp đã thể hiện được các nghiệp vụ tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động tại đơn vị, đơn vị mở cơ bản đầy đủ hệ thống sổ sách chứng từ kế toán theo quy định. Chi lương và các khoản phụ cấp, hỗ trợ trong các ngày lễ, Tết cho giáo viên, hợp đồng lao động kịp thời, đầy đủ.

- Đối với nguồn thu từ Quỹ Hội PHHS và Quỹ xã Hội hóa được thực hiện cơ bản đảm bảo theo quy định. Các khoản thu, chi được thể hiện rõ ràng, công khai và được sự thống nhất của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Các khoản thu dựa trên tình thân tự nguyện, không bình quân hóa bất kỳ khoản thu nào từ Phụ huynh học sinh. Việc thực hiện đảm bảo các nguồn kinh phí tạo sự đồng thuận, thống nhất, tin tưởng giữa phụ huynh học sinh và Ban Giám hiệu nhà trường.

- Đối với nguồn thu học phí: Được thực hiện đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 65/2016/NĐ-UBND, ngày 19/8/2016 về việc quy định mức thu học phí mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập năm học 2016 - 2017 trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND, ngày 21/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về quy định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo ( Học phí) thuộc phạm vi quản lý của Tỉnh Kon Tum năm học 2017-2018; Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND, ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về quy định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo ( Học phí) thuộc phạm vi quản lý của Tỉnh Kon Tum năm học 2018-2019;

- Đối với nguồn kinh phí bán trú và kinh phí hỗ trợ chi phí học tập: Việc hỗ trợ các nguồn kinh phí đúng đối tượng, đúng định mức được quy định tại Nghị định 116/2016/NĐ-CP quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn và Nghị định 86/2015/NĐ-CP, ngày 02/10/2015 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 – 2021 góp phần giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, nghỉ học, chất lượng dạy và học được cải thiện đáng kể, tạo được sự ủng hộ, đồng tình của các cấp chính quyền và nhân dân trên địa bàn.

- Một số tài sản cố định, công cụ, dụng cụ tại đơn vị đầy đủ, được cơ bản phát huy được hiệu quả sử dụng và được đưa vào sổ theo dõi tài sản, công cụ, dụng cụ theo quy định.

## **2. Tồn tại, khuyết điểm:**

- Một số chứng từ liên quan công tác chi thường xuyên còn thiếu sót. Chi xây dựng, sửa chữa nhỏ không có biên bản kiểm tra hiện trạng, hợp đồng còn chung chung, không chi tiết, không thể hiện được chủng loại, kích thước sản phẩm.... Tuy nhiên, nội dung này qua kiểm tra xác minh đơn vị đã thực hiện đầy đủ số lượng theo hợp đồng.

- Đơn vị chưa bám sát các quy định của UBND tỉnh về xác định cự ly đến các xã trên địa bàn huyện và các huyện trên địa bàn tỉnh làm cơ sở thanh toán công tác phí cho giáo viên, nhân viên trường đi công tác.

- Các khuyết điểm nêu trên, tuy có vi phạm các quy định pháp luật nhưng không gây thất thoát tiền, tài sản, nên không thu hồi nộp ngân sách nhà nước hoặc trả lại kinh phí cho Hội PHHS.

## **VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIÊN PHÁP XỬ LÝ:**

- Yêu cầu tập thể Ban Giám hiệu trường THCS Nguyễn Du tổ chức kiểm điểm nghiêm túc Hiệu trưởng và kế toán trường, chỉ đạo kế toán và các cá nhân có liên quan khắc phục ngay các chứng từ, thủ tục hành chính còn thiếu sót và xây dựng kế hoạch khắc phục các tồn tại, khuyết điểm và gửi báo cáo kết quả thực hiện về Thanh tra huyện trước ngày 22/6/2020.

- Đề nghị Phòng GD và ĐT huyện yêu cầu các đơn vị trường học trực thuộc thực hiện đúng các quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trên đây là Kết luận thanh tra công tác thu, chi tài chính và công tác quản lý, sử dụng tài sản công đối với THCS Nguyễn Du trong các năm 2017, 2018 và 2019 của Chánh Thanhtra huyện Đắk Tô, yêu cầu Trường THCS Nguyễn Du và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc thực hiện./.

## **CHÁNH THANH TRA**

### ***Nơi nhận:***

- Thanh tra tỉnh;
- Ban Nội chính tỉnh;
- Thường trực huyện ủy (*Báo cáo*);
- UBND huyện (BC);
- UBKT Huyện ủy (B/c);
- Phòng GD và ĐT huyện;
- Trường THCS Nguyễn Du;
- Lưu: HS, TTr.



**Nguyễn Văn Tín**